

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Hội đồng Quản trị



Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

11.07.2014

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Đức Thịnh	Chủ tịch
Ông Tạ Hoàng Giang	Thành viên
Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Cẩm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Bùi Văn Cận	Trưởng Ban
Ông Triệu Công Trứ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Việt Quang	Phó Tổng Giám đốc

2. Xác nhận của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo, các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM VĂN DƯƠNG
Thành viên

Nam Định, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

16/03/2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 033-11-13

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Sông Hồng (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo Tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các Báo cáo Tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính của Công ty không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)


Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231



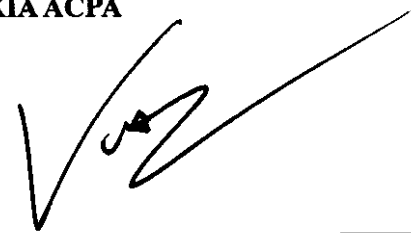

PHAN QUỐC HÙNG

Giấy CNĐKHNKT số: 0233-2013-068-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2014


LÊ THẾ VIỆT

Giấy CNĐKHNKT số: 0821-2013-068-1

Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần May Sông Hồng**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		828.212.917.897	746.685.661.904
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	207.393.027.927	225.220.777.832
Tiền	111		53.393.027.927	46.220.777.832
Các khoản tương đương tiền	112		154.000.000.000	179.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	66.060.000.000	2.601.250.000
Đầu tư ngắn hạn	121		66.060.000.000	2.601.250.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		248.099.316.241	265.405.237.109
Phải thu khách hàng	131		218.769.771.478	224.254.350.667
Trả trước cho người bán	132		16.508.244.658	24.932.941.017
Các khoản phải thu khác	138	5	12.821.300.105	16.217.945.425
Hàng tồn kho	140	6	260.395.084.344	244.395.933.082
Hàng tồn kho	141		303.729.598.185	271.620.556.441
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(43.334.513.841)	(27.224.623.359)
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.265.489.385	9.062.463.881
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.842.642.572	2.704.140.045
Thuế GTGT được khấu trừ	152		39.658.719.139	5.890.457.968
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.447.710	12.596.946
Tài sản ngắn hạn khác	158		754.679.964	455.268.913
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		450.039.526.248	261.228.892.954
Tài sản cố định	220		428.943.651.618	256.650.793.000
Tài sản cố định hữu hình	221	7	307.371.841.775	147.401.325.239
- Nguyên giá	222		602.846.499.045	446.322.977.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(295.474.657.270)	(298.921.652.627)
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.225.146.204	1.294.353.125
- Nguyên giá	228		2.638.689.060	2.638.209.060
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.413.542.856)	(1.343.855.935)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	120.346.663.639	107.955.114.636
Tài sản dài hạn khác	260		21.095.874.630	4.578.099.954
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	20.833.965.630	4.071.484.954
Tài sản dài hạn khác	268		261.909.000	506.615.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.278.252.444.145	1.007.914.554.849

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
NỢ PHẢI TRẢ	300		918.638.956.208	696.862.311.146
Nợ ngắn hạn	310		617.361.740.967	578.995.469.354
Vay ngắn hạn	311	11	279.774.679.674	259.952.046.736
Phải trả người bán	312		82.131.118.137	112.284.153.206
Người mua trả tiền trước	313		10.666.009.001	19.483.246.588
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	12.648.383.631	25.332.663.754
Phải trả người lao động	315	13	141.839.502.800	103.738.890.576
Chi phí phải trả	316	14	17.156.503.471	7.789.520.993
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	46.374.602.373	28.000.166.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	16	26.770.941.880	22.414.781.040
Nợ dài hạn	330		301.277.215.241	117.866.841.792
Vay và nợ dài hạn	334	17	301.277.215.241	117.866.841.792
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359.613.487.937	311.052.243.703
Vốn chủ sở hữu	410	18	359.613.487.937	311.052.243.703
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.000.000.000	54.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.100.000.000	2.100.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		111.508.931.570	111.281.885.270
Quỹ dự phòng tài chính	418		23.088.785.158	23.088.785.158
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.043.416.636	2.043.416.636
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		166.872.354.573	118.538.156.639
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.278.252.444.145	1.007.914.554.849

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Nam Định, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014



PHẠM VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	2.180.912.784.341	1.752.610.153.757
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(666.629.835)	(444.717.091)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.180.246.154.506	1.752.165.436.666
Giá vốn hàng bán	11	20 & 27	(1.866.292.094.744)	(1.491.077.952.176)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		313.954.059.762	261.087.484.490
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	12.969.251.045	14.971.806.267
Chi phí tài chính	22	22	(29.916.826.784)	(20.511.914.040)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(28.917.876.392)	(20.486.737.334)
Chi phí bán hàng	24	27	(87.127.620.010)	(66.056.682.349)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	(104.130.817.761)	(81.371.159.413)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		105.748.046.252	108.119.534.955
Thu nhập khác	31	23	284.214.751	9.859.807.067
Chi phí khác	32		(268.463.236)	(345.434.397)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		15.751.515	9.514.372.670
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	105.763.797.767	117.633.907.625
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(21.303.354.780)	(16.824.809.450)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	18	84.460.442.987	100.809.098.175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	15.641	18.668

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Người lập:

LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng

Nam Định, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014



PHẠM VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần May Sông Hồng**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)**

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế trong năm	01		105.763.797.767	117.633.907.625
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao và phân bổ	02		58.703.164.880	35.933.139.303
Tăng/(Giảm) các khoản dự phòng	03		16.109.890.482	(22.879.461.614)
Thu nhập từ lãi tiền gửi	05		(9.284.935.456)	(11.812.567.550)
Chi phí lãi vay	06		28.917.876.392	20.486.737.334
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		200.209.794.065	139.361.755.098
Tăng các khoản phải thu	09		(16.782.955.898)	(42.504.779.557)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(32.109.041.744)	24.556.277.331
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		(13.857.101.905)	11.144.554.720
Tăng chi phí trả trước	12		(3.673.358.801)	(4.088.428.092)
Tiền chi trả lãi vay	13		(28.917.876.392)	(20.486.737.334)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(33.114.542.585)	(4.881.774.172)
Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		269.059.780	-
Các khoản chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(158.663.333)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		72.023.976.520	102.942.204.661
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(225.410.918.268)	(143.146.463.428)
Tiền chi đầu tư tài chính ngắn hạn	25		(66.060.000.000)	(2.601.250.000)
Tiền thu đầu tư tài chính ngắn hạn	26		2.601.250.000	-
Thu nhập từ lãi tiền gửi	27		9.284.935.456	11.812.567.550
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động đầu tư	30		(279.584.732.812)	(133.935.145.878)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		1.266.962.331.795	1.215.551.827.186
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.063.729.325.408)	(1.103.683.614.292)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.500.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động tài chính	40		189.733.006.387	111.868.212.894
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(17.827.749.905)	80.875.271.677
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	3	225.220.777.832	144.345.506.155
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	3	207.393.027.927	225.220.777.832

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

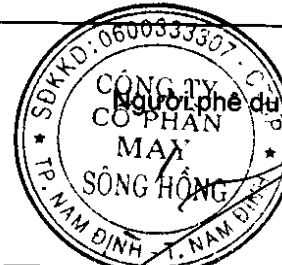
BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong năm, có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau:

Nội dung	2013	2012
Trích trước cổ tức năm 2013	16.200.000.000	-
Mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	26.177.491.941	4.364.762.309
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang tài sản cố định hữu hình	107.955.114.636	2.450.457.856

Người lập:

LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng



Người phê duyệt:

PHẠM VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Nam Định, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần May Sông Hồng (trước đây là doanh nghiệp Nhà nước Công ty May Sông Hồng) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000386 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 3 tháng 6 năm 2004. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, và mở văn phòng đại diện, mở chi nhánh như sau:

<u>Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sửa đổi</u>	<u>Ngày cấp</u>
0703000386	3 tháng 1 năm 2006
0703000386	15 tháng 8 năm 2008
0703000386	6 tháng 4 năm 2010
0703000386	18 tháng 8 năm 2011

Ngày 16 tháng 1 năm 2013, ngày 10 tháng 4 năm 2013 và ngày 20 tháng 1 năm 2014, Công ty lần lượt nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0703000386 sửa đổi lần thứ 7, 8 và 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp để mở rộng ngành nghề kinh doanh và đăng ký hoạt động chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh").

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất hàng may sẵn phục vụ dân sinh; sản xuất thảm, chăn đệm, may trang phục, sản xuất trang phục dệt kim, đan móc, bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; kinh doanh các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc phục vụ ngành công nghiệp dệt, may; kinh doanh thuốc lá điếu nội địa, rượu bia và các loại hóa mỹ phẩm; cho thuê kho bãi, xây dựng trạm y tế cho công nhân viên và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 105 Đường Nguyễn Đức Thuận, Phường Thống Nhất, Thành phố Nam Định và chi nhánh tại Số 419A Đường Ngô Gia Tự, Phường 10, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 54.000.000.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm:

<u>Cổ đông</u>	<u>31 tháng 12 năm 2013</u>		<u>31 tháng 12 năm 2012</u>	
	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>% quyền sở hữu</u>	<u>Số cổ phiếu</u>	<u>% quyền sở hữu</u>
Ông Bùi Đức Thịnh	1.149.950	21,30%	1.065.180	19,70%
Ông Bùi Việt Quang	627.030	11,60%	627.030	11,60%
Ông Phạm Văn Dương	587.100	10,87%	587.100	10,90%
Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT	500.000	9,26%	500.000	9,26%
Bà Bùi Thu Hà	300.000	5,56%	300.000	5,60%
Các cổ đông khác	2.235.920	41,41%	2.320.690	42,94%
	5.400.000	100,00%	5.400.000	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 8.463 nhân viên (31 tháng 12 năm 2012: 7.265 nhân viên).

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp. Doanh nghiệp áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Công ty phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được các tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản nợ tài chính đó.

M.S.D.A.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác, quỹ khen thưởng phúc lợi, vay và nợ dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có các yêu cầu cho việc đánh giá lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao mà có thể chuyển đổi thành tiền không có rủi ro lớn về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn chứ không phải cho mục đích đầu tư hay mục đích khác.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được lập dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc.

2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào các khoản phải thu không có khả năng thu hồi cụ thể.

2.9. Hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

TR
KIẾ

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn của tài sản cố định hữu hình được xác định theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7-50
Máy móc và thiết bị	5-12
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị quản lý	3-8
TSCĐ hữu hình khác	3-8

Thời gian sử dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thuê đất trả trước cho lô đất tại số 228 Đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Nam Định, Việt Nam với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nam Định cấp. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn thuê 20 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) đến năm (5) năm.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Công cụ và dụng cụ có thời gian hữu dụng trên một năm được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai (2) đến ba (3) năm.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.14. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.15. Dự phòng quỹ tiền lương

Dự phòng quỹ tiền lương hàng năm được trích lập dựa trên những ước tính của Ban Giám đốc về số lượng đơn hàng biến động trong năm tiếp theo để đảm bảo việc chi trả lương cho người lao động không bị gián đoạn và tỷ lệ trích lập không vượt quá 17% tổng quỹ lương thực hiện trong năm và không làm cho doanh nghiệp bị lỗ.

2.16. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả.

2.17. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các yếu tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

2.18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty. Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Dịch vụ gia công

Doanh thu từ dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

2.20. Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

V
A
C
H
T
O
I
X
I
A

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.21. Thuế hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuế.

2.22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.25. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ.

2.26. Chi trả cổ tức

Chi trả cổ tức cho các nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận là các khoản nợ phải trả trên Báo cáo tài chính trong năm, cổ tức được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty.

2.27. Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được trình bày khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.28. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.29. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền mặt tại quỹ	1.816.839.592	5.734.225.178
Tiền gửi ngân hàng	51.576.188.335	40.486.552.654
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn trong thời hạn ba (3) tháng)	154.000.000.000	179.000.000.000
	207.393.027.927	225.220.777.832

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	2.227.440	1.113.712

S
/
T
H
À
A
I
T

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng đáo hạn từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2014, bao gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nam Định	21.560.000.000	2.601.250.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu -Sở giao dịch	30.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	14.500.000.000	-
	66.060.000.000	2.601.250.000

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản phải thu từ Bảo hiểm Xã hội	9.762.363.631	9.029.593.627
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	-	3.073.777.254
Tiền giải phóng mặt bằng SH7 được khấu trừ vào thuế đất hàng năm	2.839.335.500	-
Khác	219.600.974	4.114.574.544
	12.821.300.105	16.217.945.425

6. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
Nguyên liệu, vật liệu	125.094.932.762	126.615.881.795
Công cụ, dụng cụ	615.646.091	1.041.729.464
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.509.846.898	55.095.467.430
Thành phẩm	101.198.595.534	88.867.477.752
Hàng gửi bán	310.576.900	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	303.729.598.185	271.620.556.441
Dự phòng hàng tồn kho	(43.334.513.841)	(27.224.623.359)
	260.395.084.344	244.395.933.082

Bao gồm trong nguyên vật liệu và thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 lần lượt khoảng 44 tỷ VNĐ và 6 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 17 tỷ VNĐ và 27 tỷ VNĐ) đã được lập dự phòng cho hàng lỗi thời.

Biến động của khoản dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2013	2012
Số dư đầu năm	27.224.623.359	43.817.100.241
Tăng dự phòng trong năm	43.667.821.446	27.224.623.359
Giảm dự phòng trong năm	(27.557.930.964)	(43.817.100.241)
Số dư cuối năm	43.334.513.841	27.224.623.359

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải,	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	206.435.018.797	209.324.871.155	12.793.108.080	17.769.979.834	446.322.977.866
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	102.902.147.304	-	-	-	102.902.147.304
Tăng trong năm	73.796.400.895	52.614.918.347	1.153.741.851	4.177.964.000	131.743.025.093
Xóa sổ	(165.685.476)	(40.490.939.936)	-	(3.225.785.894)	(43.882.411.306)
Phân loại lại (i)	(262.739.922)	(30.749.370.238)	-	(3.227.129.752)	(34.239.239.912)
Số dư cuối năm	382.705.141.598	190.699.479.328	13.946.849.931	15.495.028.188	602.846.499.045
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	(127.223.815.934)	(149.334.193.034)	(8.158.759.032)	(14.204.884.627)	(298.921.652.627)
Hao mòn trong năm	(28.605.892.506)	(20.372.810.133)	(1.222.376.694)	(1.404.393.467)	(51.605.472.800)
Xóa sổ	165.685.476	40.490.939.936	-	3.225.785.894	43.882.411.306
Phân loại lại (i)	160.132.169	9.717.470.950	-	1.292.453.732	11.170.056.851
Số dư cuối năm	(155.503.890.795)	(119.498.592.281)	(9.381.135.726)	(11.091.038.468)	(295.474.657.270)
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	79.211.202.863	59.990.678.121	4.634.349.048	3.565.095.207	147.401.325.239
Số dư cuối năm	227.201.250.803	71.200.887.047	4.565.714.205	4.403.989.720	307.371.841.775

- (i) Trong năm 2013, Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành, sang chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn lần lượt là 523.112.274 VNĐ và 22.546.070.787 VNĐ.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá khoảng 173 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã khấu hao hết (31 tháng 12 năm 2012: 175 tỷ VNĐ) nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại khoảng 68 tỷ VNĐ (31 tháng 12 năm 2012: 71 tỷ VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Định để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Công ty (xem Thuyết minh số 17).

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.309.176.000	1.329.033.060	2.638.209.060
Tăng trong năm	-	186.926.500	186.926.500
Phân loại lại (i)	-	(186.446.500)	(186.446.500)
Số dư cuối năm	1.309.176.000	1.329.513.060	2.638.689.060
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	(136.554.330)	(1.207.301.605)	(1.343.855.935)
Hao mòn trong năm	(65.458.800)	(134.755.238)	(200.214.038)
Phân loại lại (i)	-	130.527.117	130.527.117
Số dư cuối năm	(202.013.130)	(1.211.529.726)	(1.413.542.856)
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.172.621.670	121.731.455	1.294.353.125
Số dư cuối năm	1.107.162.870	117.983.334	1.225.146.204

- (i) Trong năm 2013, Công ty đã phân loại lại các tài sản không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành, sang chi phí trả trước ngắn hạn.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có một số phần mềm với nguyên giá khoảng 1,2 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã khấu hao hết (31 tháng 12 năm 2012: 825 triệu VNĐ) nhưng vẫn đang sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013	31/12/2012
Công trình SH8	117.068.061.110	5.052.967.332
Công trình phụ trợ SH3	2.304.303.680	-
Công trình phụ trợ SH4	463.584.315	-
Công trình phụ trợ SH1	406.694.431	315.819.286
Công trình SH7	104.020.103	102.586.328.018
Số dư cuối năm	120.346.663.639	107.955.114.636

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2013	2012
Số dư đầu năm	107.955.114.636	16.377.367.761
Tăng trong năm	115.293.696.307	94.028.204.731
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(102.902.147.304)	(2.450.457.856)
Số dư cuối năm	120.346.663.639	107.955.114.636

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ
Số dư đầu năm	4.071.484.954
Tăng trong năm	1.113.887.931
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số 7)	22.546.070.787
Phân bổ trong năm	(6.897.478.042)
Số dư cuối năm	20.833.965.630

11. Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản vay ngắn hạn (i)	100.111.143.541	126.971.858.208
Các khoản vay ngắn hạn (ii)	118.700.812.648	76.963.450.928
Khoản vay cá nhân (iii)	22.934.725.000	22.300.000.000
Các khoản vay ngắn hạn (iv)	8.096.103.176	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 17)	29.931.895.309	33.716.737.600
	279.774.679.674	259.952.046.736

- (i) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VNĐ (hoặc tương đương với 12.000.000 Đô la Mỹ). Ngày 1 tháng 4 năm 2013, Hợp đồng tín dụng này đã được sửa đổi để nâng hạn mức tín dụng tối đa lên 296 tỷ VNĐ (hoặc ngoại tệ tương đương). Các khoản vay ngắn hạn này có lãi suất được xác định theo từng lần rút vốn cụ thể, khoảng 2,7%/năm đến 5%/năm cho Đô la Mỹ.
- (ii) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Nông Nghiệp – Chi nhánh Nam Định theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức tín dụng tối đa là 4.840.000 Đô la Mỹ. Ngày 5 tháng 6 năm 2013, Hợp đồng tín dụng này đã được sửa đổi để nâng hạn mức tối đa lên 160 tỷ VNĐ (hoặc ngoại tệ tương đương). Các khoản vay ngắn hạn này có lãi suất được xác định theo từng lần rút vốn cụ thể, khoảng 2,7%/năm đến 5%/năm cho Đô la Mỹ.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn được huy động từ cán bộ công nhân viên với lãi suất từ 8%/năm đến 16%/năm.
- (iv) Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ VNĐ (hoặc ngoại tệ tương đương). Các khoản vay ngắn hạn này có lãi suất được xác định theo từng lần rút vốn cụ thể, khoảng 2,8%/năm đến 3,8%/năm cho Đô la Mỹ.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	971.370.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.453.198.922	24.264.386.727
Thuế thu nhập cá nhân	17.582.836	59.147.133
Khác	177.601.873	37.759.011
	12.648.383.631	25.332.663.754

13. Phải trả người lao động

	31/12/2013	31/12/2012
Thưởng phải trả người lao động	60.584.691.838	42.488.377.657
Lương phải trả người lao động	46.091.601.828	30.560.882.279
Dự phòng quỹ tiền lương phải trả (i)	35.163.209.134	30.689.630.640
	141.839.502.800	103.738.890.576

(i) Biến động của khoản dự phòng quỹ tiền lương phải trả trong năm như sau:

	2013	2012
Số dư đầu năm	30.689.630.640	38.874.581.161
Tăng dự phòng trong năm	46.091.601.828	30.689.630.640
Sử dụng dự phòng trong năm	(30.689.630.640)	(38.874.581.161)
Số dư cuối năm	46.091.601.828	30.689.630.640

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	3.417.420.272
Trích trước lương phép	6.774.943.471	4.372.100.721
Trích trước tiền thưởng	10.381.560.000	-
	17.156.503.471	7.789.520.993

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
Trích trước cổ tức năm 2013	16.200.000.000	-
Phải trả cho Song Hong Apparel Limited	15.396.373.354	13.299.830.415
Hoa hồng phải trả cho đại lý	9.581.499.757	6.467.985.706
Khác	5.196.729.262	8.232.350.340
	46.374.602.373	28.000.166.461



Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2013	2012
Số dư đầu năm	22.414.781.040	13.649.419.874
Trích từ lợi nhuận sau thuế (xem Thuyết minh 18)	5.120.180.583	9.240.361.165
Sử dụng quỹ	(764.019.743)	(474.999.999)
Số dư cuối năm	26.770.941.880	22.414.781.040

17. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
Khoản vay (i)	15.188.982.027	30.891.734.432
Khoản vay (ii)	11.386.695.962	26.838.628.960
Khoản vay (iii)	-	5.345.537.600
Khoản vay (iv)	57.600.747.095	34.507.678.400
Khoản vay (v)	83.113.396.495	-
Khoản vay (vi)	109.919.288.971	-
Trái phiếu chuyển đổi (vii)	54.000.000.000	54.000.000.000
Tổng	331.209.110.550	151.583.579.392
Phải trả trong vòng 12 tháng (xem Thuyết minh 11)	(29.931.895.309)	(33.716.737.600)
Phải trả sau 12 tháng	301.277.215.241	117.866.841.792

- (i) Khoản vay dài hạn trị giá 5.888.000 Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 108 tháng bắt đầu từ ngày 15 tháng 12 năm 2005. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 6,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 6 tháng.
- (ii) Khoản vay dài hạn trị giá 3.740.000 Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 102 tháng bắt đầu từ ngày 14 tháng 2 năm 2007. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 7,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 6 tháng. Tuy nhiên, một phần khoản phải trả trong năm 2014 đã được thanh toán trong năm 2013.
- (iii) Khoản vay dài hạn trị giá 1.615.504 Đô la Mỹ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả trong vòng 60 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 6 năm 2009. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 3,5%/năm. Khoản vay này đã được hoàn trả toàn bộ trong tháng 7 năm 2013.
- (iv) Khoản vay dài hạn trị giá 2.832.341 Đô la Mỹ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định từ tháng 6 năm 2013 đến tháng 9 năm 2019, được hoàn trả một năm hai lần vào tháng 4 và tháng 8. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 6,5%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 3 tháng.
- (v) Khoản vay dài hạn có hạn mức 124.429.210.583 VNĐ và 1.640.126 Đô la Mỹ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Định, sẽ được giải ngân theo tiến độ thực hiện của dự án. Khoản vay được hoàn trả hàng quý đến Quý 1 năm 2019 và Quý 3 năm 2020 tương ứng với gốc vay bằng VNĐ và Đô la Mỹ. Tuy nhiên, toàn bộ khoản phải trả trong năm 2014 đã được thanh toán hết trong năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành và bất động sản với mức lãi suất là 7%/năm và 11%/năm với số tiền giải ngân tương ứng bằng VNĐ và Đô la Mỹ, điều chỉnh theo từng lần rút vốn.

TRÁI KIỂM N CẤU

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (vi) Khoản vay dài hạn có hạn mức trị giá 149.082.000.000 VNĐ từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định, được hoàn trả 6 tháng một lần từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 9 năm 2019. Tuy nhiên, toàn bộ khoản phải trả trong năm 2014 đã được thanh toán hết trong năm 2013. Khoản vay này được thế chấp bởi toàn bộ tài sản được hình thành với mức lãi suất là 13%/năm và được điều chỉnh sau mỗi 3 tháng.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận chào bán Trái phiếu số 47/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 10 năm 2012, Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã phát hành 540.000 trái phiếu chuyển đổi mệnh giá 100.000 VNĐ có thời hạn trái phiếu là hai (2) năm với lãi suất 0%/ năm. Trái phiếu chuyển đổi được phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20:1 tương ứng với 270.000 trái phiếu; 270.000 trái phiếu còn lại được phát hành cho nhà đầu tư riêng lẻ và đã được mua toàn bộ bởi Ông Lô Bằng Giang, công dân Việt Nam. Trái phiếu chuyển đổi bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu sau hai (2) năm kể từ ngày Trái phiếu chuyển đổi có hiệu lực theo tỷ lệ đã được phê duyệt.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn chủ sở hữu

Thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm như sau:

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	54.000.000.000	2.100.000.000	65.080.079.445	13.848.423.993	1.951.754.321	84.840.414.709	221.820.672.468
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	100.809.098.175	100.809.098.175
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	46.201.805.825	9.240.361.165	500.000.000	(55.942.166.990)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (xem Thuyết minh số 15)	-	-	-	-	-	(9.240.361.165)	(9.240.361.165)
Phân phối khác	-	-	-	-	(408.337.685)	(1.928.828.090)	(2.337.165.775)
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2013	54.000.000.000	2.100.000.000	111.281.885.270	23.088.785.158	2.043.416.636	118.538.156.639	311.052.243.703
Lãi thuần trong năm	-	-	-	-	-	84.460.442.987	84.460.442.987
Chi trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(13.500.000.000)	(13.500.000.000)
Trích trước cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (xem thuyết minh 15)	-	-	-	-	-	(5.120.180.583)	(5.120.180.583)
Tặng khác	-	-	227.046.300	-	-	-	227.046.300
Phân phối khác	-	-	-	-	-	(1.306.064.470)	(1.306.064.470)
Số dư, ngày 31 tháng 12 năm 2013	54.000.000.000	2.100.000.000	111.508.931.570	23.088.785.158	2.043.416.636	166.872.354.573	359.613.487.937

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 12 năm 2013		31 tháng 12 năm 2012	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong năm:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm và cuối năm	5.400.000	54.000.000.000	5.400.000	54.000.000.000

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2013	2012
Doanh thu từ bán hàng hóa	1.813.843.345.837	1.539.697.005.039
Doanh thu từ dịch vụ gia công	367.069.438.504	212.913.148.718
	2.180.912.784.341	1.752.610.153.757

20. Giá vốn hàng bán

	2013	2012
Giá vốn từ bán hàng hóa	1.542.595.521.487	1.288.969.426.406
Giá vốn từ dịch vụ gia công	323.696.573.257	202.108.525.770
	1.866.292.094.744	1.491.077.952.176

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013	2012
Thu nhập từ lãi tiền gửi	9.284.935.456	11.812.567.550
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.184.234.231	1.983.120.717
Khác	1.500.081.358	1.176.118.000
	12.969.251.045	14.971.806.267

22. Chi phí tài chính

	2013	2012
Chi phí lãi vay	28.917.876.392	20.486.737.334
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	998.950.392	25.176.706
	29.916.826.784	20.511.914.040

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Thu nhập khác

	2013	2012
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	8.299.314.280
Khác	284.214.751	1.560.492.787
	284.214.751	9.859.807.067

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm đầu tiên (2004-2013) và chịu thuế suất 28% (thuế suất thuế TNDN chung) trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ năm đầu có lợi nhuận chịu thuế (2004-2005) và giảm 50% thuế TNDN trong năm (5) năm tiếp theo (2006-2010).

Theo Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008, thuế suất thuế TNDN chung thay đổi từ 28% thành 25% có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009.

Theo Luật thuế TNDN mới sửa đổi số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN chung sẽ thay đổi từ 25% thành 22% cho các năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Lợi nhuận kế toán trong năm được điều chỉnh về lợi nhuận chịu thuế như sau:

	2013	2012
Lợi nhuận kế toán trước thuế	105.763.797.767	117.633.907.625
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán về thu nhập tính thuế		
Chi phí không được trừ	681.922.444	345.434.397
Lợi nhuận tính thuế hiện hành ước tính	106.445.720.211	117.979.342.022
Trong đó:		
Lợi nhuận chịu thuế từ các hoạt động chính áp dụng thuế suất thuế TNDN 20%	106.161.505.460	109.187.868.677
Lợi nhuận chịu thuế từ các hoạt động khác áp dụng thuế suất thuế TNDN 25%	284.214.751	8.791.473.345
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.232.301.092	21.837.573.735
Thuế TNDN theo thuế suất 25%	71.053.688	2.197.868.336
Chi phí thuế TNDN	21.303.354.780	24.035.442.071
Giảm 30% thuế TNDN (i)	-	(7.210.632.621)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.303.354.780	16.824.809.450

- (i) Căn cứ vào Nghị định số 60/2012/NĐ-CP về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Quốc hội để bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp và cá nhân do Chính phủ ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2012, các hoạt động của Công ty đáp ứng được các tiêu chí của doanh nghiệp có lĩnh vực hoạt động được giảm thuế, do đó Công ty được giảm 30% thuế TNDN cho năm 2012.

Việc tính thuế TNDN còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế hoãn lại không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 vì Công ty không phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu của các bên liên quan trong năm như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	2013	2012
Song Hong Apprel Limited	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	67.992.429.618	-
		Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới	42.609.683.294	32.999.066.534

Bao gồm trong số dư của Phải trả người bán và Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác có các số dư công nợ với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Nội dung giao dịch	31/12/2013	31/12/2012
Phải trả				
Song Hong Apprel Limited	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	2.390.003.245	-
		Phí kiểm tra hàng mẫu và môi giới	15.396.373.354	13.299.830.415
			17.786.376.599	13.299.830.415

Tiền lương và lợi ích của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	2013	2012
Tổng lương và các khoản lợi ích khác	2.206.248.850	1.828.141.050

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013	2012
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.460.442.987	100.809.098.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.400.000	5.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.641	18.668

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Các chi phí sản xuất kinh doanh chủ yếu phát sinh trong năm như sau:

	2013	2012
Chi phí nguyên vật liệu	1.076.531.123.793	889.302.696.736
Chi phí nhân công	527.992.584.545	465.226.903.408
Chi phí khấu hao và phân bổ	58.703.164.880	35.933.139.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	155.079.745.268	145.202.609.181
Chi phí bằng tiền khác	155.365.198.702	56.219.666.491

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

28. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Công ty chịu các loại rủi ro tài chính như rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Hội đồng Quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi đó vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tiền tệ từ các giao dịch mua và bán hàng phát sinh bằng các đơn vị ngoại tệ không phải là Đồng Việt Nam ("VNĐ"). Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là Đô la Mỹ ("USD").

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Hội đồng Quản trị không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.227.440	1.113.712
Phải thu khách hàng	9.803.726	9.796.726
Trả trước cho người bán	24.804	-
	12.055.970	10.910.438
Nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	10.761.587	11.425.579
Phải trả người bán	1.294.081	2.257.731
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	739.075	678.555
Vay và nợ dài hạn	5.121.204	3.070.521
	17.915.947	17.432.386

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Công ty theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện bằng giá trị còn lại của các số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức các khoản dự phòng bằng tiền và các cam kết hỗ trợ vốn từ các nhà đầu tư nhằm đáp ứng yêu cầu thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận của Công ty. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31/12/2013			
Vay ngắn hạn	249.842.784.365		249.842.784.365
Phải trả người bán	82.131.118.137		82.131.118.137
Người mua trả tiền trước	10.666.009.001		10.666.009.001
Phải trả người lao động	141.839.502.800		141.839.502.800
Chi phí phải trả	17.156.503.471		17.156.503.471
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	46.374.602.373		46.374.602.373
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26.770.941.880		26.770.941.880
Vay và nợ dài hạn	29.931.895.309	301.277.215.241	331.209.110.550
	604.713.357.336	301.277.215.241	905.990.572.577
31/12/2012			
Vay ngắn hạn	226.235.309.136	-	226.235.309.136
Phải trả người bán	112.284.153.206	-	112.284.153.206
Người mua trả tiền trước	19.483.246.588	-	19.483.246.588
Phải trả người lao động	103.738.890.576	-	103.738.890.576
Chi phí phải trả	7.789.520.993	-	7.789.520.993
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.000.166.461	-	28.000.166.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.414.781.040	-	22.414.781.040
Vay và nợ dài hạn	33.716.737.600	117.866.841.792	151.583.579.392
	553.662.805.600	117.866.841.792	671.529.647.392

Công ty Cổ phần May Sông Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn dự tính cho tài sản tài chính phi phái sinh của Công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của các tài sản tài chính gồm lãi sẽ có được từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin các tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở giá trị thuần giữa tài sản và nợ.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng cộng
31/12/2013			
Đầu tư ngắn hạn	66.060.000.000	-	66.060.000.000
Phải thu khách hàng	218.769.771.478	-	218.769.771.478
Trả trước cho người bán	16.508.244.658	-	16.508.244.658
Các khoản phải thu khác	12.821.300.105	-	12.821.300.105
	314.159.316.241	-	314.159.316.241
31/12/2012			
Đầu tư ngắn hạn	2.601.250.000	-	2.601.250.000
Phải thu khách hàng	224.254.350.667	-	224.254.350.667
Trả trước cho người bán	24.932.941.017	-	24.932.941.017
Các khoản phải thu khác	16.217.945.425	-	16.217.945.425
	268.006.487.109	-	268.006.487.109

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày bảng cân đối kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

28. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Bảng Cân đối Kế toán

	31/12/2012 (được phân loại lại)	31/12/2012 (đã báo cáo trước)
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.704.140.045	6.775.624.999
Chi phí trả trước dài hạn	4.071.484.954	-

Người lập:

LÊ VĂN QUANG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Nam Định, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2014